

Số: 1039/QĐ/TGD-MXV

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24/5/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Các vị thế mở mua hoặc bán độc lập không áp dụng ký quỹ liên kỳ hạn sẽ được tính vào hạn mức áp dụng Khoản hỗ trợ rủi ro thanh toán theo quy định của MXV.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **04/12/2023** và thay thế Quyết định số: 960/QĐ/TGD-MXV ngày 01/11/2023.
- Điều 4.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Khối QLGD, HC./

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Đức Quang



PHỤ LỤC I
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỶ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG DẦU THÔ
TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ/TGD-MXV ngày 01 tháng 12 năm 2023
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	Năng lượng	ICE EU	02/2024	03/2024	679	USD
2				02/2024	04/2024	1,189	USD
3				02/2024	05/2024	2,234	USD
4				02/2024	06/2024	2,234	USD
5				02/2024	07/2024	2,674	USD
6				02/2024	08/2024	2,674	USD
7				02/2024	09/2024	2,982	USD
8				02/2024	10/2024	2,982	USD
9				02/2024	11/2024	3,301	USD
10				02/2024	12/2024	3,301	USD
11				02/2024	01/2025	3,301	USD
12				03/2024	04/2024	705	USD
13				03/2024	05/2024	1,750	USD
14				03/2024	06/2024	1,750	USD
15				03/2024	07/2024	2,190	USD
16				03/2024	08/2024	2,190	USD
17				03/2024	09/2024	2,498	USD
18				03/2024	10/2024	2,498	USD
19				03/2024	11/2024	2,817	USD
20				03/2024	12/2024	2,817	USD
21				03/2024	01/2025	2,817	USD
22				04/2024	05/2024	1,046	USD
23				04/2024	06/2024	1,046	USD
24				04/2024	07/2024	1,486	USD
25				04/2024	08/2024	1,486	USD
26				04/2024	09/2024	1,794	USD



27				04/2024	10/2024	1,794	USD
28				04/2024	11/2024	2,113	USD
29				04/2024	12/2024	2,113	USD
30				04/2024	01/2025	2,113	USD
31				05/2024	06/2024	264	USD
32				05/2024	07/2024	530	USD
33				05/2024	08/2024	730	USD
34				05/2024	09/2024	1,002	USD
35				05/2024	10/2024	1,002	USD
36				05/2024	11/2024	1,109	USD
37				05/2024	12/2024	1,342	USD
38				05/2024	01/2025	1,342	USD
39				06/2024	07/2024	441	USD
40				06/2024	08/2024	441	USD
41				06/2024	09/2024	749	USD
42				06/2024	10/2024	1,002	USD
43				06/2024	11/2024	1,342	USD
44				06/2024	12/2024	1,068	USD
45				06/2024	01/2025	1,342	USD
46				07/2024	08/2024	197	USD
47				07/2024	09/2024	392	USD
48				07/2024	10/2024	552	USD
49				07/2024	11/2024	867	USD
50				07/2024	12/2024	867	USD
51				07/2024	01/2025	867	USD
52				08/2024	09/2024	309	USD
53				08/2024	10/2024	323	USD
54				08/2024	11/2024	628	USD
55				08/2024	12/2024	867	USD
56				08/2024	01/2025	867	USD
57				09/2024	10/2024	154	USD
58				09/2024	11/2024	320	USD
59				09/2024	12/2024	366	USD
60				09/2024	01/2025	483	USD

S.P.T.L
 Ờ GIA
 IANG
 'IÊT
 D.N:0

61				10/2024	11/2024	320	USD
62				10/2024	12/2024	320	USD
63				10/2024	01/2025	340	USD
64				11/2024	12/2024	118	USD
65				11/2024	01/2025	234	USD
66				12/2024	01/2025	109	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hoá ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ giao dịch liên kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu
1	Dầu thô Brent	QO	Năng lượng	ICE EU	02/2024	7,282 USD
2					03/2024	6,798 USD
3					04/2024	6,094 USD
4					05/2024	5,049 USD
5					06/2024	5,049 USD
6					07/2024	4,609 USD
7					08/2024	4,609 USD
8					09/2024	4,301 USD
9					10/2024	4,301 USD
10					11/2024	3,982 USD
11					12/2024	3,982 USD
12					01/2025	3,982 USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

4596
ODIC
HÓ
NAM
11014

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

